

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Tỉnh Thanh Hóa **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----*&-----

Bản án số: 154/2017/HN&GD-ST

Ngày 19/7/2017.

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trọng Tiến.

Bà Trần Thị Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: thôn ĐT, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: thôn HP, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2017, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H thể hiện như sau:

Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn T kết hôn vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống bình thường được thời gian đầu sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không

đi làm, thường xuyên bài bạc, lô đề, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do vậy chị phải đưa con về bên ngoại ở và vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đỗ Văn T.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung cháu tên là Đỗ Đức H, sinh ngày 04/9/2010 hiện nay cháu đang ở với chị. Nguyên vọng của chị xin được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Vợ chồng có mảnh đất diện tích 100 m², số thửa 257^a tờ bản đồ số 08 (E-48-08-210-b) bản đồ địa chính xã Hoàng Thắng tại thôn HP, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nguồn gốc đất này là do bố mẹ anh T cho vợ chồng năm 2013, chị H yêu cầu chia tài sản theo pháp luật.

Theo bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm của anh Đỗ Văn T:

Anh T kết hôn với chị H vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T cấp. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng sống không có hạnh phúc, chung sống với nhau được 01 năm thì vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nguyên nhân chị H làm đơn ly hôn là do tính tình không hợp, vì điều kiện kinh tế khó khăn. Nay chị H làm đơn ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung cháu tên là Đỗ Đức H, sinh ngày 04/9/2010. Nguyên vọng của anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng, nếu chị H nuôi con thì anh cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Vợ chồng hiện nay đứng tên mảnh đất diện tích 100 m² tại số thửa 257^a tờ bản đồ số 08 (E-48-08-210-b) bản đồ địa chính xã T tại thôn Hải Phúc, xã T. Nguồn gốc đất này là do bố mẹ chia cho anh. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh T đã làm một nhà mái tôn, xây tường rào và cổng để làm quán kinh doanh. Nguyên vọng của anh T là mảnh đất trên là của bố mẹ anh T cho vợ chồng nay để lại cho con mà không yêu cầu chia.

Về công nợ: Quá trình giải quyết vụ án anh T có yêu cầu trong thời gian vợ chồng ly thân anh có vay của của quỹ tín dụng để về đầu tư để xây dựng một nhà tôn với mục đích để kinh doanh, đến phiên hòa giải ngày 19/5/2017 anh T đã rút yêu cầu giải quyết về khoản nợ và anh cũng không yêu cầu giải quyết về phần nhà tôn do anh tự xây dựng.

* Tại biên bản định giá tài sản ngày 04 tháng 7 năm 2017 tài sản gồm có:

- Diện tích đất 100 m² x 3.500.000 đồng/m² = 350.000.000 đồng.
- Tài sản gắn liền trên đất gồm: Nhà mái tôn, diện tích xây dựng 54 m² trị giá

16.200.000 đồng, tường rào trị giá 1.732.000 đồng, trụ cổng trị giá 206.000 đồng, rào hoa sắt lưới B40 trị giá 2.025.000 đồng, cánh cổng lưới B40 trị giá 972.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, anh thường xuyên bài bạc lô đề, kinh tế gia đình khó khăn nên chị phải đưa con về bên ngoại ở, vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Quá trình Tòa án giải quyết đã tiến hành hòa giải chị H và anh T thuận tình ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và hai bên đã thuận tình ly hôn và sự thuận tình đó là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận sự thuận tình của hai bên về việc ly hôn.

Về con: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Đỗ Đức H, sinh ngày 04/9/2010. Hai bên đều có nguyện vọng nuôi con, nhưng xét thấy cháu Hùng đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ và thực tế lâu nay cháu H ở với chị H, để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống sinh hoạt hiện tại nên cần giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và anh T cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị H mỗi tháng là 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2017 cho đến khi cháu H thành niên.

Về tài sản: Vợ chồng có một mảnh đất diện tích 100 m², số thửa 257^a tờ bản đồ số 08 (E-48-08-210-b) bản đồ địa chính xã T tại thôn HP, xã T. Nguồn gốc là của bố mẹ anh T cất trong phần đất của ông bà ra cho vợ chồng. Năm 2013 đã làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đứng tên anh Đỗ Văn T và chị Nguyễn Thị H như vậy quyền sử dụng đất là anh T và chị H. Nay vợ chồng ly hôn, chị H có yêu cầu chia nên đây là tài sản chung của vợ chồng, được chia theo tài sản chung của vợ chồng nhưng xem xét về nguồn gốc đất thì không phải do vợ chồng tạo dựng nên mà do của bố mẹ anh T cho nên khi chia cần xem xét phần anh T được nhiều hơn. Quá trình vợ chồng ly thân anh T có vay mượn làm trên phần đất đó một nhà mái tôn, xây cổng, tường rào, chị H không yêu cầu phân xây dựng này, đây

là phần riêng của anh T, do đó phần đất ở của chung vợ chồng gắn liền với phần xây dựng của anh T nên khi chia cần giao cho anh T được quyền sử dụng thửa đất trên và anh có trách nhiệm giao lại phần tiền chênh lệch cho chị H.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh T chịu án phí với phần cấp dưỡng định kỳ và hai bên đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 2, 4 Điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 51, 55, 58, 59, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 1 Điều 24; điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn T.

Về con: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn T có một con chung là cháu Đỗ Đức H, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2010. Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Đức H. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Đỗ Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2017 cho đến khi cháu Đỗ Đức H thành niên.

Về tài sản: Giao cho anh Đỗ Văn T được quyền sử dụng diện tích 100 m², số thửa 257^a tờ bản đồ số 08 (E-48-08-210-b) bản đồ địa chính xã T tại thôn HP, xã Hoằng T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Trị giá 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Anh T có nghĩa vụ giao lại cho chị H số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Chị Nguyễn Thị H được quyền sở hữu số tiền 150.000.000 đồng (do anh T giao lại).

Anh T có quyền đề nghị làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quyết định của bản án.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải

chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.500.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa theo biên lai thu số AA/0005345 ngày 13 tháng 3 năm 2017. Chị H còn phải nộp 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng).

Anh Đỗ Văn T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ và 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án mà người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Hoằng Hóa.
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa.
- UBND xã Đ, T.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
.Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Ngọc Thắng